

LAPONITE-XLG XR

Mã sản phẩm: 000000000000110746

Phiên bản 3.0 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 2022/11/25

Ngày in 2025/02/24

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm : LAPONITE-XLG XR

Kiểu ứng dụng (sử dụng) : Rheology Additive

Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)

Công ty : BYK-Chemie GmbH

Địa chỉ : Abelstrasse 45
46483 Wesel

Điện thoại : +49 281 670-23532

Telefax : +49 281 670-23533

Địa chỉ e-mail : GHS.BYK@altana.com

Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp : +84 28 4458 2388 (Tiếng việt và tiếng anh)
+65 3158 1074 (All languages)**2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT****Phân loại theo GHS**

Không phải là chất hay hỗn hợp nguy hại.

Các yếu tố nhãn theo GHS

Không phải là chất hay hỗn hợp nguy hại.

Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)

Vật liệu có thể trơn khi ướt.

Không có thông tin.

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Đơn chất

Bản chất hóa học : Synthetic (modified) phyllosilicate

Thành phần nguy hiểm

Không có thành phần nguy hiểm

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Lời khuyên chung : Không được để nạn nhân một mình.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Nếu hít phải, chuyển nạn nhân ra chỗ không khí trong lành.

Nếu bất tỉnh, đặt ở tư thế phục hồi và tìm kiếm sự giúp đỡ y tế.

Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : Rửa sạch bằng xà bông và nước.

Ngay lập tức tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu vùng kích ứng lan rộng và dai dẳng

Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc : Rửa mắt bằng nước để phòng ngừa.

LAPONITE-XLG XR

Mã sản phẩm: 000000000000110746

Phiên bản 3.0 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 2022/11/25

Ngày in 2025/02/24

xúc với mắt

Gỡ bỏ kính áp tròng.
Bảo vệ con mắt không bị tổn thương.
Liên hệ với chuyên gia nếu hiện tượng kích ứng ở mắt kéo dài.

Trường hợp tai nạn theo
đường tiêu hóa

: Giữ sạch đường hô hấp.
Không cho uống sữa hoặc các đồ uống có cồn.
Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh.
Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.

Các triệu chứng/tác hại
nghiêm trọng tức thời và ảnh
hưởng sau này

: Không có triệu chứng nào được biết hoặc được cho là có.
Gây kích ứng mắt, hệ hô hấp và da.

Lưu ý đối với bác sỹ điều trị

: Điều trị theo triệu chứng.

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠNCác phương tiện chữa cháy
thích hợp

: Bụi nước
Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa
phương và môi trường xung quanh.
Bọt
Carbon điôxit (CO₂)
Hóa chất khô

Các phương tiện chữa cháy
không thích hợp

: Tia nước dung tích lớn

Các nguy hiểm cụ thể khi
chữa cháy

: Sản phẩm không tự cháy.
Vật liệu có thể trơn khi ướt.

Các chất độc được sinh ra
khi bị cháy

: Chưa từng biết có các sản phẩm gây nổ độc hại

Các phương pháp cứu hỏa
cụ thể

: Quy trình chuẩn dùng trong cháy nổ hóa chất
Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa
phương và môi trường xung quanh.

Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành
cho lính cứu hỏa

: Đeo các dụng cụ thở cá nhân khi chữa cháy nếu cần thiết.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐTrang thiết bị bảo hộ và quy
trình ứng phó sự cố

: Tránh tạo ra bụi.
Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân.
Tránh hít bụi.
Giữ mọi người tránh xa khỏi khu vực hoá chất bị tràn đổ/rò rỉ
và tránh hướng gió thổi.
Nguyên liệu hoá chất có thể gây trơn trượt.
Chỉ người được trang bị các thiết bị bảo hộ thích hợp mới có
thể tham gia.

Các cảnh báo về môi trường

: Ngăn ngừa việc rò rỉ hoặc tràn đổ tiếp theo nếu việc việc làm
này an toàn.
Cố gắng phòng tránh các vật liệu đi vào đường ống hoặc
đường nước.
Các nhà chức trách địa phương cần được thông báo nếu xảy
ra sự cố tràn đổ lớn không thể kiểm soát được.

Biện pháp, vật liệu vệ sinh

: Sử dụng máy hút bụi công nghiệp đủ tiêu chuẩn để loại bỏ.

LAPONITE-XLG XR

Mã sản phẩm: 000000000000110746

Phiên bản 3.0 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 2022/11/25

Ngày in 2025/02/24

sau khi xảy ra sự cố

Lọc bụi không khí hiệu ứng cao (Bộ lọc HEPA)
Các phương pháp làm sạch-vụ tràn đổ lớn
Làm lắng bụi bằng tia bụi nước.
Xúc vào một bình chứa thích hợp để tiêu hủy.
Sau khi lau rửa, xả sạch các lượng còn sót lại bằng nước.
Các phương pháp làm sạch - vụ tràn đổ nhỏ
Quét hoặc hút các vật liệu bị đổ và thu gom vào bình chứa
thích hợp để tiêu hủy.

Thu gom và tiêu hủy mà không tạo ra bụi bẩn.
Quét và dọn sạch bằng xẻng.
Giữ trong các bình chứa kín thích hợp để tiêu hủy.

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

Lời khuyên khi bảo vệ khỏi
cháy nổ : Tránh tạo ra bụi.

Cung cấp ống xả thông gió thích hợp tại nơi bụi được tạo
thành.

Biện pháp, điều kiện cần áp
dụng khi sử dụng, thao tác
với hóa chất nguy hiểm : Vận hành ngoài trời hoặc tại nơi được thông gió tốt.
Không được hít hơi/bụi.
Tránh tiếp xúc với da và mắt.
Tránh tiếp xúc kéo dài và nhiều lần với da.
Trong trường hợp thông khí không đầy đủ, phải đeo thiết bị
hô hấp thích hợp.
Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8.

Biện pháp, điều kiện cần áp
dụng khi bảo quản : Cấm hút thuốc, ăn uống tại khu vực sử dụng.
Việc lắp đặt thiết bị điện / vật liệu đang làm việc phải tuân
theo tiêu chuẩn an toàn về công nghệ.
Tránh tạo ra bụi.

Các chất cần tránh bảo quản chung : Đóng chặt thùng chứa.
Không có vật liệu đặc biệt nào được đề cập tới.

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

Không chứa các chất có giá trị giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.

**Các biện pháp kiểm soát
thiết bị phù hợp** : Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ.
Giữ nồng độ không khí thấp hơn tiêu chuẩn phơi nhiễm nghề
nghiệp.
Bụi phải được tách trực tiếp tại điểm bắt đầu.

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp : Trong trường hợp có bụi được tạo ra, sử dụng mặt nạ phòng
độc có bộ lọc đủ tiêu chuẩn.

Bộ lọc loại : Bộ lọc loại P

Bảo vệ tay

Ghi chú : Dùng kem bảo vệ da trước khi thao tác với sản phẩm. Cần

LAPONITE-XLG XR

Mã sản phẩm: 000000000000110746

Phiên bản 3.0 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 2022/11/25

Ngày in 2025/02/24

Bảo vệ mắt	:	thảo luận với nhà sản xuất găng tay bảo hộ về mức độ thích hợp với từng nơi làm việc cụ thể. Mang găng tay thích hợp. Kính bảo hộ Đeo kính an toàn có phần bảo vệ rìa mắt. Nếu môi trường làm việc hoặc hoạt động có điều kiện khói bụi, sương mù hoặc sol khí, hãy đeo kính phù hợp.
Bảo vệ da và cơ thể	:	Mặc đồng phục hoặc áo choàng phòng thí nghiệm. Bộ quần áo bảo hộ
Các biện pháp vệ sinh	:	Biện pháp vệ sinh công nghiệp chung.

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái	:	bột
Màu sắc	:	màu trắng
Mùi đặc trưng	:	không mùi
Ngưỡng mùi	:	chưa có dữ liệu
Độ pH	:	9,8 Nồng độ: 20 g/l (như chất phân tán)
Điểm/khoảng nóng chảy	:	Không áp dụng được
Điểm sôi/khoảng sôi	:	Không áp dụng được
Điểm cháy	:	Không áp dụng được
Tỷ lệ hóa hơi	:	Không áp dụng được
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	:	Không cháy.
Giới hạn trên của cháy nổ	:	Không áp dụng được
Giới hạn dưới của cháy nổ	:	Không áp dụng được
Áp suất hóa hơi	:	Không áp dụng được
Tỷ trọng hơi tương đối	:	Không áp dụng được
Tỷ trọng tương đối	:	2,53 (22 °C)
Mật độ	:	2,53 g/cm ³ (20 °C)
Mật độ lớn	:	1.000 kg/m ³
Độ hòa tan	:	không tan
Độ hòa tan trong nước	:	không tan
Độ hòa tan trong các dung môi khác	:	chưa có dữ liệu
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	:	chưa có dữ liệu
Nhiệt độ tự cháy	:	chưa có dữ liệu
Nhiệt độ tự bốc cháy	:	Không áp dụng được
Nhiệt độ phân hủy	:	chưa có dữ liệu

LAPONITE-XLG XR

Mã sản phẩm: 000000000000110746

Phiên bản 3.0 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 2022/11/25

Ngày in 2025/02/24

Độ nhớt
Độ nhớt, động lực : Không áp dụng được

Kích thước hạt : chưa có dữ liệu

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng : Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.
Tính ổn định : Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.
Phản ứng nguy hiểm : Ổn định trong các điều kiện lưu trữ được đề nghị.
Không có mối nguy nào được nhắc đến cụ thể.

Các điều kiện cần tránh : Tiếp xúc với không khí hoặc hơi ẩm trong thời gian dài.
Vật liệu không tương thích : Các axit mạnh và các chất oxy hóa
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy : Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH**Độc cấp tính****Sản phẩm:**

Độc tính cấp theo đường miệng : LD₀ (Chuột, con cái): > 2.000 mg/kg
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 420
GLP: có

Độc tính cấp do hít phải : LC₅₀ (Chuột, Đực và cái): > 200 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 60 min
Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương
GLP: có

Độc tính cấp qua da : LD₅₀ (Thỏ, Đực và cái): > 2.000 mg/kg
GLP: có

Ăn mòn/kích ứng da**Sản phẩm:**

Loài: Thỏ
Phương pháp: Thử nghiệm Draize
Kết quả: Không gây kích ứng da
GLP: có

Loài: Thỏ
Kết quả: Không gây kích ứng da
GLP: không

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt**Sản phẩm:**

Loài: Bovine corneal opacity and permeability assay (BCOP)

LAPONITE-XLG XR

Mã sản phẩm: 000000000000110746

Phiên bản 3.0 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 2022/11/25

Ngày in 2025/02/24

Kết quả: Không gây kích ứng mắt
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 437
GLP: có

Loài: Thỏ
Kết quả: Không gây kích ứng mắt
GLP: không

Kích thích hô hấp hoặc da**Sản phẩm:**

Loại kiểm nghiệm: Mouse Local Lymph Node assay (LLNA)
Đường tiếp xúc: Da
Loài: Chuột nhắt
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 429
Kết quả: Không gây kích ứng da.
GLP: có

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)**Sản phẩm:**

Độc tính gây đột biến gen
trong ống thí nghiệm : Loại kiểm nghiệm: Xét nghiệm Ames
Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hóa trao
đổi chất
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 471
Kết quả: Âm tính
GLP: có

: Loại kiểm nghiệm: Xét nghiệm nhiễm sắc thể bất thường
trong ống nghiệm
Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hóa trao
đổi chất
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 473
Kết quả: Âm tính
GLP: có

: Loại kiểm nghiệm: In vitro mammalian cell gene mutation test
(mouse lymphoma)
Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hóa trao
đổi chất
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 476
Kết quả: Âm tính
GLP: có

Độc tính gây đột biến gen
trong cơ thể : Ghi chú: chưa có dữ liệu

Đột biến tế bào mầm (tế bào
gen) - Đánh giá : Các thử nghiệm trong ống nghiệm không cho thấy các tác
nhân gây đột biến.

Tác nhân gây ung thư**Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

LAPONITE-XLG XR

Mã sản phẩm: 000000000000110746

Phiên bản 3.0 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 2022/11/25

Ngày in 2025/02/24

Độc tính sinh sản**Sản phẩm:**Ảnh hưởng đến khả năng : Ghi chú: chưa có dữ liệu
sinh sảnẢnh hưởng đến sự phát triển : Ghi chú: chưa có dữ liệu
của thai**STOT - Tiếp xúc một lần****Sản phẩm:**Đánh giá: Chất hoặc hỗn hợp được phân loại là chất độc đối với các cơ quan đích cụ thể, phơi
nhiễm đơn lẻ.**STOT - Tiếp xúc lặp lại****Sản phẩm:**Đánh giá: Chất hoặc chất độc không được phân loại là chất độc đối với các cơ quan đích cụ thể,
phơi nhiễm nhiều lần.**Lượng độc lặp lại****Sản phẩm:**

Loài: Chuột, Đực và cái

NOAEL: 50 mg/kg

LOAEL: 500 mg/kg

Lộ trình ứng dụng: Đường miệng

GLP: không

Các cơ quan đích: Hệ dạ dày- ruột

Độc tính hô hấp**Sản phẩm:**

chưa có dữ liệu

Thông tin khác**Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI**Độc môi trường****Sản phẩm:**Độc đối với cá : LC50 (Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng)): > 100 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 96 h
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 203
GLP: có

Độc tính đối các loài giáp xác : EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): > 100 mg/l

LAPONITE-XLG XR

Mã sản phẩm: 000000000000110746

Phiên bản 3.0 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 2022/11/25

Ngày in 2025/02/24

và các động vật không
xương sống thủy sinh khácThời gian phơi nhiễm: 48 h
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 202
GLP: có

Độc đối với tảo

: ErC50 (Pseudokirchneriella subcapitata (tảo lục)): > 100 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 72 h
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201
GLP: có

Độc tính đối với vi khuẩn

: EC50 (Than hoạt tính): > 1.000 mg/l
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 209
GLP: có**Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy****Sản phẩm:**Tính phân hủy sinh học : Ghi chú: Phương thức xác định khả năng phân hủy sinh học
không áp dụng được cho các chất vô cơ**Khả năng tích lũy sinh học****Sản phẩm:**

Tính tích lũy sinh học : Ghi chú: chưa có dữ liệu

Độ linh động trong đất

chưa có dữ liệu

Các tác hại khác**Sản phẩm:**

Các thông tin sinh thái khác : chưa có dữ liệu

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ**Các biện pháp thải bỏ**Bao bì nhiễm độc : Các thùng chứa trống cần được đưa tới cơ sở đủ tiêu chuẩn
để tái chế hoặc loại bỏ**14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN****Quy định Quốc tế****UNRTDG**

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

IATA-DGR

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

Mã IMDG

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

LAPONITE-XLG XR

Mã sản phẩm: 000000000000110746

Phiên bản 3.0 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 2022/11/25

Ngày in 2025/02/24

Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC
Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất
Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12

16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT**Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác**

AIIC - Kiểm kê Hóa chất Công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống Hải hòa Toàn cầu; GLP - Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mối quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TECI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

Định dạng ngày tháng : năm/tháng/ngày

Các thông tin này dựa trên hiểu biết hiện nay của chúng tôi do đó không chắc chắn đối với một số đặc tính nhất định.